TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 04-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONGTỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Thành.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hòe và ông Phạm Xuân Đức.
- Thư ký phiên tòa: Ông Y Thanh Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện VKSND huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong , tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2017/TLST-DS ngày 10/07/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14-11-2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 08/01/2017 bà H có nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Xuân L với diện tích 1,5 ha, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 20, gía trị chuyển nhượng là 600.000.000đ, đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Mỏ đá, phía Tây giáp ông L, phía Nam giáp đất ông H, phía Bắc giáp với suối, đất tọa lạc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi ký kết hợp đồng bà H đã giao số tiền mua đất cho ông L là 200.000.000đ và bà H có trách nhiệm đi chuộc 15.000.000 đồng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) tại nhà ông bà L L và làm thủ tục sang tên đổi chủ. Tuy nhiên do giấy CNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn

Xuân L nên bà H không sang tên đổi chủ được nên ông L đã lấy lại đất để trồng tiêu nhưng không hoàn trả 215.000.000 đồng cho bà H. Ngoài ra ông L còn vay tiền bà H nhiều lần, cụ thể: Vào ngày 10-12-2016 bà H cho ông L vay tổng số tiền 1.000.000đ; ngày 01-01-2017 âm lịch vay hai lần tổng số tiền 80.000.000đ, lần vay này có chị Trương Thị N làm chứng; ngày 02-01-2017 âm lịch bà H cho ông L vay 80.000.000đ hẹn ngày 12-01-2017 sẽ trả đủ. Tổng số tiền các lần vay là 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)*. Nhận thấy ông L tự ý hủy bỏ giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08-01-2017 giữa bà H và ông Lg, buộc ông L hoàn trả cho bà H số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)* và trả số tiền vay 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)*.

Quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 14-12-2017 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T rút yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08-01-2017 và rút yêu cầu ông L hoàn trả cho bà H số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)*, chỉ yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân L phải trả số tiền vay 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)*.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân L trình bày: Ông L có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho bà H nhưng do bà H không trả tiền nên ông L không chuyển nhượng đất nữa. Ông L cho rằng không có vay tiền bà H, bà H chỉ có đứng ra chuộc số tiền 28.000.000đ *(Hai mươi tám triệu đồng)* để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cầm cố tại nhà ông bà L L. Bà H nói là mua đất của ông L nhưng ông L chưa nhận tiền từ bà H. Vì vậy, ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ông Nguyễn Xuân L nợ bà Đặng Thị Thu H 550.000đ *(Năm trăm năm mươi nghìn đồng)* theo giấy vay tiền đề ngày 10-12-2016, nợ 80.000.000đ theo giấy vay nợ đề ngày 01-01-2017 âm lịch, nợ 80.000.000đ theo giấy vay nợ đề ngày 02-01-2017 âm lịch. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông L phải trả cho bà H tổng số tiền vay 160.550.000 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)* theo quy định của pháp luật và không yêu cầu lãi suất vi phạm thời hạn trả nợ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là có sự vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, một số tài liệu là bản pho to không có công chứng chứng thực. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đối với tổng số tiền vay 160.550.000đ, nên cần buộc ông L phải trả cho bà H tổng số tiền

vay 160.550.000 đồng là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Đặng Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân L phải trả số nợ vay theo giấy vay nợ ngày 10-12-2016; ngày 01-01-2017 âm lịch; ngày 02-01-2017 âm lịch. Ông L đang cư trú tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", một loại của tranh chấp hợp đồng dân sự. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2]. Giữa bà Đặng Thị Thu H và ông Nguyễn Xuân L có xác lập văn bản thể hiện ông L nợ bà H tổng số tiền 160.550.000đ tại giấy vay nợ ngày 10-12-2016; ngày 01-01-2017 âm lịch; ngày 02-01-2017 âm lịch có thể hiện nghĩa vụ trả nợ tại giấy vay ngày 01-01-2017 âm lịch là sẽ trả nợ sau 12 ngày vay, tại giấy vay ngày 02-01-2017 âm lịch sẽ trả nợ vào ngày 12 âm lịch, như vậy đây hợp đồng vay có thời hạn do đó còn thời hiệu yêu cầu giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08-01-2017 và yêu cầu ông L hoàn trả cho bà H số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng),* do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên cần chấp nhận. Áp dụng Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, HĐXX xét thấy: Tại thời điểm ký kết giấy vay nợ ông L và bà H đều có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý xác lập quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L không thừa nhận vay tiền của bà H, tuy nhiên theo Thông báo giám định chữ ký số 03 ngày 07-2-2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận tại các giấy vay tiền đề ngày 10-12-2016, ngày 01-01-2017 âm lịch, ngày 02-01-2017 âm lịch thể hiện người vay đều là chữ ký của ông Nguyễn Xuân L, như vậy việc vay tiền là có thật và ông L phải có nghĩa vụ trả cho bà H tổng số tiền vay 160.550.000đ *(Một trăm sáu mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)* theo quy định tại Điều 471; khoản 1 Điều 474 BLDS năm 2005. Do hợp đồng không xác định lãi suất và nguyên đơn không yêu cầu lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ thời điểm vi phạm nên không đề cập. Từ những phân tích nêu trên, Hội động xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ đối với tổng số tiền vay 160.550.000 đ nên buộc ông L phải trả cho bà H tổng số tiền vay 160.550.000 đồng là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong giai đoạn thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L cố tình không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật và phù hợp.

[4].Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5].Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông L phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký là 5.400.000 đồng. Bà H đã nộp chi phí giám định chữ ký là 5.400.000 đồng nên ông Lượng có nghĩa vụ phải trả lại cho bà H số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 217, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu H.

1. 1. Buộc ông Nguyễn Xuân L phải trả cho bà Đặng Thị Thu H số tiền: 160.550.000đ *(Một trăm sáu mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. 2. Đình chỉ giải quyết xét xử đối với yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08-01-2017 và yêu cầu ông L hoàn trả cho bà H số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng).*

[2]. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Xuân L phải chịu 8.027.500đ (*Tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Đặng Thị Thu H 9.631.000đ (*Chín triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004390 ngày 06 tháng 07 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

[3]. Về chi phí trưng cầu giám định: Ông Nguyễn Xuân L phải trả lại cho bà Đặng Thị Thu H 5.400.000đ (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) chi phí giám định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Đỗ Văn Thành